

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa
2. Ông Nguyễn Hoàng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 762/2022/TB-TLVA ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(bà R có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 10 tháng 10 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2002. Trong nhiều năm qua, do tính chất công việc, mỗi tháng ông L chỉ ở

nhà khoảng 10 ngày nên thời gian vợ chồng sống chung với nhau rất ít, cuộc sống hôn nhân của ông bà tồn tại trong lạnh nhạt gần như người xa lạ. Sau đó, ông L vì tránh mặt người khác đến đòi nợ nên càng ít về nhà. Tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2016, ông L dọn toàn bộ đồ đạc cá nhân và bài vị cha mẹ ông L ra khỏi nhà, từ đó, vợ chồng sống ly thân với nhau luôn cho đến nay. Nay, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm hay có trách nhiệm với nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh ngày 03/11/1993. Hiện anh Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông bà đã tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung. Do đó, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 496, quyển số 03/2002 ngày 26/12/2002. Như vậy, bà R và ông L có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện

chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp.

[2.1.2] Bà R yêu cầu ly hôn với ông L vì cho rằng giữa bà R và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016 nguyên nhân do bà R và ông L rất ít thời gian sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm, chăm sóc và sống chung với nhau, bà R và ông L đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Lời trình bày của bà R là phù hợp với kết quả xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà R và ông L và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông L cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà R. Xét thấy, giữa bà R và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà R.

[2.2] Về con chung: Bà R và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Văn Th sinh ngày 03/11/1993. Hiện anh Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn L có một con chung tên Nguyễn Văn Th sinh ngày 03/11/1993. Hiện anh Nguyễn Văn Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị R đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0021095 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h. CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc